

CHỦ TỊCH NƯỚC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 775/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam**CHỦ TỊCH**
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 146/TTr-CP ngày 13/3/2025 và Tờ trình số 165/TTr-CP ngày 02/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 10 công dân hiện đang cư trú tại Malaysia (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH**Võ Thị Ánh Xuân**

**DANH SÁCH CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI MALAYSIA
ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

**(Kèm theo Quyết định số 775/QĐ-CTN ngày 05 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch nước)**

1. **Huỳnh Thị Kim Trâm**, sinh ngày 15/6/1985 tại Bình Định Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Giấy khai sinh số 382
ngày 04/10/1986
Hộ chiếu số: N1933493 do Đại sứ quán Việt Nam tại
Malaysia cấp ngày 14/01/2019
Nơi cư trú: 10 Lorong Saujana Permai 13, Taman Saujana
Permai, 14000 Bukit Mertajam, Pulau Pinang, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: tổ 1 khu phố 1,
phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
2. **Lê Thị Hồng**, sinh ngày 20/01/1985 tại Kiên Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa,
huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, Giấy khai sinh số 184
ngày 22/11/2005
Hộ chiếu số: N1740049 do Đại sứ quán Việt Nam tại
Malaysia cấp ngày 20/01/2016
Nơi cư trú: Lot 5053 Kampung Chuab 71960 Port Dickson,
Negeri, Sembilan, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: ấp Minh Trung
An, xã Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang
3. **Nguyễn Thị Hồng Thắm**, sinh ngày 25/5/1983 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, thị
xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh số 80 ngày
27/02/2007
Hộ chiếu số: N2128004 do Đại sứ quán Việt Nam tại
Malaysia cấp ngày 01/6/2020
Nơi cư trú: 654 Jalan 17/16 Sek 17, 46400 Petaling, Jaya
Selangor, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Hiệp Tân,
thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

-
4. **Phạm Thị Kim Phượng**, sinh ngày 20/5/1975 tại Bình Định Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, Giấy khai sinh số 94
Hộ chiếu số: N1912023 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 04/5/2018
Nơi cư trú: No 6 Lorong Bukit Panchor 3 Taman Bukit Panchor, 14300 Nibong Tebal, Pulau Pinang, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Thịnh Văn 2, thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định
5. **Carmen Phang Kar Wen**, sinh ngày 25/4/2011 tại Malaysia Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia, Trích lục khai sinh số 3 ngày 03/01/2018
Hộ chiếu số: Q00066083 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 21/12/2022
Nơi cư trú: No 34 Jalan Taman Kamunting Maju 6 Taman Kamunting, 34600 Kamunting, Perak, Malaysia
6. **Phạm Thị Thùy Trang**, sinh ngày 25/5/1988 tại Đồng Tháp Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, Giấy khai sinh số 344 cấp ngày 17/7/1989
Hộ chiếu số: N1815207 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 09/01/2017
Nơi cư trú: AF 39 Rumah Murah Pokok Assam, 34000 Taiping, Perak, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Ấp 1, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
7. **Lưu Thị Thu Nga**, sinh ngày 26/5/1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 529 cấp ngày 07/6/1972
Hộ chiếu số: K0209460 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 16/6/2022
Nơi cư trú: Lot 13 Jalan 48 Selayang Baru, 68100 Batu Caves, Selangor, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Số 93/6 xã Phú

Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

8. **Trịnh Tuyết Mạnh**, sinh ngày 30/4/1985 tại Sóc Trăng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, Giấy khai sinh số 117 cấp ngày 21/5/2007
Hộ chiếu số: N2293112 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 05/5/2021
Nơi cư trú: No 21 Jalan Gangsa Impian 1 Taman Gangsa Impian, 76100 Durian Tunggal, Melaka, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Nguyễn Út, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
9. **Trương Thị Bé Trắng**, sinh ngày 29/12/1985 tại Bình Phước Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Giấy khai sinh số 20 cấp ngày 10/3/2004
Hộ chiếu số: C1635713 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 22/4/2016
Nơi cư trú: C-8 Kampung Baru Kemayan, 28380 Triang, Pahang, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
10. **Lâm Thị Huỳnh Diệu**, sinh ngày 11/3/1983 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn thành phố Cần Thơ, Giấy khai sinh số 551 cấp ngày 31/8/2005
Hộ chiếu số: C5867295 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 09/8/2018
Nơi cư trú: No 1 Jalan Harmoni 4 Taman Desa Skudai, 81300 Skudai, Johor, Malaysia
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: khu vực Thới Thạnh, phường Thới An, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ